

(Kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

8,50%

STT	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)*(4)*(5)	(7)
1	+ Đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP.	46,8	201.600	100%	9.434.880	
2	+ Đất nông nghiệp sử dụng trước 01/07/2004:	42,6	201.600	100%	8.588.160	
3	+ Đất nương đường do UBND phường quản lý:	4,2				Không bồi thường hỗ trợ
Tổng tiền (A):					18.023.040	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Mật độ	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)*(5)*(7)	(9)
1	Hoa ly có mật độ 18 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	1609	21.000	≤20 cây/m2	100%	33.789.000	
2	Hoa ly có mật độ 18 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	76	21.000	≤20 cây/m2	50%	798.000	Diện tích trồng trên đất nương đường do UBND Phường quản lý
Tổng tiền (D):							34.587.000	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)*(5)*(6)	(8)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (bằng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 * 5 lần = 1.008.000đ/m2.	m2	46,8	1.008.000	100%	47.174.400	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (30kg x 6 tháng x 16.000đ/kg = 2.880.000đ/ khẩu nông nghiệp)	Khẩu	0,0	2.880.000	100%	0	Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp: 8,5% nhỏ hơn 30% không đủ điều kiện hỗ trợ.
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất	m2	46,8	3.000		0	Sẽ phê duyệt khi hộ gia đình bàn giao mặt bằng.
Tổng tiền: (E)						47.174.400	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có): Không (F)

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không (G)

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không (H)

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)+(H)

99.784.440 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G)

0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

99.784.440 đồng

Bằng chữ: Chín mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân

